TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 11 - 2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

Bà **Phạm Kiều Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Quàng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 85/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 02/7/1995

Địa chỉ: Tổ 6, ấp R, xã V, huyện V, tỉnh K.

- *Bị đơn*: Ông **HUANG, CHIEN - T**, sinh ngày 15/5/1975

Địa chỉ: Số 141/74/8/3F, L, khóm 0, phường P, khu phố L, thành phố Đ, Đ.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2018, bà và ông HUANG, CHIEN – T quen biết qua mai mối, quá trình tìm hiểu nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, được Ủy ban

nhân dân huyện V, tỉnh K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19/9/2018. Sau khi tổ chức lễ cưới xong, ông HUANG, CHIEN – T có điện thoại hỏi thăm. Tuy nhiên, thời gian sau này bà và ông HUANG, CHIEN – T xảy ra mâu thuẫn, tính cách không hợp nên không còn liên lạc với nhau nữa.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông HUANG, CHIEN – T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản đồng ý ly hôn, bị đơn ông HUANG, CHIEN - T trình bày: Ông thống nhất lời trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Nguyễn Thị T, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ngôn ngữ, bất đồng quan điểm về mặt kinh tế nên thường xuyên cãi vả, dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, nay bà T yêu cầu ly hôn với ông, ông cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau :

Về hôn nhân: Cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa xét xử vụ việc.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn điện các chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông HUANG, CHIEN - T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa Nguyễn Thị T và ông HUANG, CHIEN - T là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/9/2019 theo đúng quy định tại Điều 8, 9 Bộ luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa ông bà là do sau khi kết hôn ông HUANG, CHIEN – T trở về Đ, hai bên bất đồng ngôn ngữ cũng như bất đồng về mặt kinh tế dẫn đến hai vợ chồng cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, nên bà T làm đơn yêu cầu ly hôn, ông HUANG, CHIEN - T cũng thống nhất ly hôn.

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông HUANG, CHIEN - T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông HUANG, CHIEN - T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông HUANG, CHIEN - T đều khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Phần tuyên xử*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông HUANG, CHIEN – T.

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông HUANG, CHIEN - T không có con chung, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông HUANG, CHIEN - T không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp (do ông Nguyễn Chal T nộp thay) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0007193 ngày 11/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Riêng ông HUANG, CHIEN - T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự sử đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Quốc Chiến